TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 21-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Nguyễn Hoàng Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hồng Tuấn – Thư ký TAND huyện Gia Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 217/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Đặng Thị D**, sinh năm 1991; HKTT và nơi ở: Thôn H, xã P, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội Nghề nghiệp: Bưu tá đã nghỉ; Trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Con ông: Đặng Văn P sinh năm 1960, con bà : Lê Thị B sinh năm 1960, có chồng tên Đặng Hữu P sinh năm 1990 và 02 con: con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh ngày 23/5/2016; Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 11 lập ngày 19/11/2019 và Lý lịch bị can chính quyền địa phương cung cấp: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/11/2019 đến nay. "Có mặt".

2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990; HKTT và nơi ở: Thôn K, xã Đ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn K, sinh năm 1945 (Đã chết), con bà : Nguyễn Thị L sinh năm 1948, Gia đình có 8 chị em, T là con thứ 8, có vợ Trần Thị X sinh năm 1991 và có 1 con sinh năm 2015; Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 10 lập ngày 19/11/2019 và Lý lịch bị can chính quyền địa phương cung cấp: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/11/2019 đến nay, "Có mặt"

* *Người bị hại:* Bưu điện Trung tâm 5 – Bưu điện thành phố Hà Nội. Trụ sở: Đường N, quận Long Biên, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Quỳnh G, chức vụ: Giám đốc Bưu điện Trung tâm 5. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1978, chức vụ: Trưởng bưu cục phát Gia Lâm, địa chỉ liên hệ: Khu tập thể xã P, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và ông Dương Đức H, sinh năm 1970, chức vụ: Chuyên viên phòng kinh doanh, địa chỉ liên hệ: Đường L, khu đô thị Đ, huyện Gia Lâm, Hà Nội. (Giấy ủy quyền ngày 11/4/2019 của Bưu điện Trung tâm 5). "Bà Y, ông H có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đặng Thị D và Nguyễn Văn T là nhân viên Bưu tá tại Bưu điện trung tâm 5 theo hợp đồng thuê khoán, thời hạn hợp đồng với T là 03 tháng, thời hạn hợp đồng với D là 02 tháng 28 ngày. Nhiệm vụ của D và T là nhận hàng từ kho của Bưu điện trung tâm 5 tại Bưu cục Gia Lâm địa chỉ số: Đường N, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để đi phát cho khách hàng theo danh sách của bưu điện, sau khi bàn giao xong cho khách, D và T nhận tiền của khách về nộp cho bưu điện. Trong tháng 3/2019 và tháng 4/2019 D và T đã nhận hàng đi giao cho khách và đã thu tiền của khách nhưng không nộp lại cho Bưu điện theo hợp đồng thuê khoán. Tổng số tiền D chưa nộp đã được chốt giữa người đại diện của Bưu điện trung tâm 5 và D ngày 16/7/2019 là 108.487.000 đồng, tổng số tiền T chưa nộp đã được chốt giữa người đại diện của Bưu điện trung tâm 5 và T ngày 08/4/2019 là 112.935.818 đồng. Ngày 09/4/2019 người đại diện hợp pháp của Bưu điện Trung tâm 5 đã có đơn tố cáo D và T đến Công an huyện Gia Lâm.

D đã khắc phục hậu quả nộp lại số tiền cho Bưu điện trung tâm 5 vào các ngày: Ngày 22/7/2019 nộp 10.000.000 đồng, ngày 12/8/2019 nộp 42.000.000 đồng, ngày 11/9/2019 đã nộp 56.487.000 đồng. Tính đến ngày 11/9/2019 D đã nộp đủ số tiền 108.487.000 đồng.

T đã khắc phục hậu quả nộp lại số tiền chiếm đoạt vào ngày 26/4/2019 là 63.000.000 đồng. Số tiền còn lại T chưa nộp cho Bưu điện là 49.935.818 đồng.

Tại cơ quan điều tra, D và T khai nhận toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của mình.

Về dân sự: Bị cáo Đặng Thị D đã khắc phục xong toàn bộ số tiền chiếm đoạt nên Bưu điện không có yêu cầu gì về dân sự đối với D. Đối với Nguyễn Văn T, Bưu điện yêu cầu T phải trả lại số tiền 49.935.818 đồng mà T đã chiếm đoạt, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố bị can Đặng Thị D và Nguyễn Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạn tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

+ Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như cáo trạng truy tố.

Bị cáo Đặng Thị D thừa nhận hành vi của mình, đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, hiện đang nuôi con nhỏ vừa hết 36 tháng, chồng đi lao động xuất khẩu, mong HĐXX xem xét cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội để đi làm nuôi con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi của mình, đã khắc phục một phần hậu quả, tại phiên tòa tiếp tục khắc phục thêm, mong HĐXX xem xét cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội để đi làm lấy tiền khắc phục hết cho Bưu điện Trung tâm 5.

+ Bà Y là người đại diện theo ủy quyền của Bưu điện trung tâm 5: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày trước đây. Tính đến ngày 11/9/2019 D đã nộp đủ số tiền 108.487.000 đồng. T đã nộp lại số tiền chiếm đoạt vào ngày 26/4/2019 là 63.000.000 đồng, tại trước phiên tòa, bị cáo tiếp tục khắc phục cho Bưu điện trung tâm 5 là 22.000.000 đồng, nay T còn thiếu là 27.935.818 đồng. Nên Bưu điện yêu cầu về dân sự, T phải khắc phục toàn bộ số tiền 27.935.818 đồng cho Bưu điện trung tâm 5, ngoài ra Bưu điện không có yêu cầu nào khác về dân sự đối với 2 bị cáo. Về phần hình phạt đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo D được cải tạo ngoài xã hội để đi làm nuôi con nhỏ, cho bị cáo T được cải tạo ngoài xã hội để tiếp tục đi làm lấy tiền thanh toán nốt cho Bưu điện, hơn nữa 2 bị cáo tuổi còn trẻ, nông nổi, mục đích của Bưu điện cũng chỉ là thu đủ tiền trả Nhà nước, nay các bị cáo khắc phục về cơ bản đã gần đủ, xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm đưa ra tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS xử phạt D từ 24-30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48-60 tháng, xử phạt T từ 24-30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48-60 tháng. Về dân sự: Buộc T phải tiếp tục khắc phục cho Bưu điện trung tâm 5 số tiền 27.935.818 đồng và phải chịu án phí dân sự đối với số tiền này. Với D không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và hình phạt chính đối với 2 bị cáo: Xét ngày 02/01/2019 Đặng Thị D có ký hợp đồng thuê khoán số 69/HĐTK-BĐGL thời hạn 02 tháng 28 ngày và ngày 01/3/2019 Nguyễn Văn T có ký hợp đồng thuê khoán số 94/HĐTK-BĐGL thời hạn 03 tháng với Bưu điện trung tâm 5 – Bưu điện thành

phố Hà Nội. Nội dung của hợp đồng thuê khoán các bị cáo có nhiệm vụ nhận hàng từ kho của bưu điện xong đi phát cho khách hàng theo danh sách của bưu điện, sau khi bàn giao xong cho khách, D và T nhận tiền của khách về nộp cho bưu điện. Các bị cáo trong hai tháng 3 và 4/2019 đã không nộp lại tiền về cho Bưu điện theo như Hợp đồng. Bưu điện Trung tâm 5 đã có nhiều biện pháp nhưng không thu hồi được tiền. Theo biên bản làm việc ngày 08/4/2019 (BL 88) tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 08/4/2019 T chưa nộp về Bưu điện số tiền 112.935.818 đồng, tại biên bản làm việc ngày 16/7/2019 (BL 216) tính đến ngày 16/7/2019 D chưa nộp tiền về Bưu điện số tiền 108.487.000 đồng. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi đã sử dụng số tiền thu được từ khách hàng để ăn tiêu và trả nợ hết mà không nộp về Bưu điện theo đúng như thỏa thuận của hợp đồng và không được Bưu điện đồng ý. Lời khai của các bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, hai bị cáo ban đầu không quen biết nhau, cùng thực hiện hành vi độc lập, không có bàn bạc với nhau, tuy nhiên cùng bị Bưu điện trung tâm 5 có đơn tố cáo. Xét hành vi của các bị cáo độc lập, không phải đồng phạm, nhưng tính chất mức độ giống nhau, số tiền các bị cáo chiếm đoạt lớn, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trong khung hình phạt để răn đe chung. Tuy nhiên, các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS, bị cáo D đã khắc phục xong hậu quả cho bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS, T cũng đã khắc phục được 85.000.000 đồng, được ¾ nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS là có căn cứ.

Bị cáo D và T đều có từ 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, D là bị cáo nữ, hiện đang nuôi con nhỏ vừa hết 36 tháng tuổi, bị cáo T cũng được Bưu điện xin giảm nhẹ hình phạt cho cải tạo ngoài xã hội để đi làm có điều kiện sớm khắc phục hết số tiền còn lại cho Bưu điện như cam kết của bị cáo và gia đình là đến ngày 10/2/2020 sẽ thanh toán hết số tiền còn lại, nên không cần cách ly 02 bị cáo, cho 02 bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ giáo dục, răn đe chung và cũng thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật đối với các bị cáo, phù hợp với Điều 65 của BLHS và Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TANDTC ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3].Về hình phạt bổ sung:

-Xét D đang nuôi con nhỏ, không có thu nhập, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo là có căn cứ.

-Xét T không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo là có căn cứ.

[4]. Về dân sự:

- Đối với D đã khắc phục xong hậu quả là 108.487.000 đồng đối với Bưu điện trung tâm 5, Bưu điện trung tâm 5 không còn yêu cầu về dân sự đối với D. Ghi nhận D đã khắc phục xong, dân sự không xem xét giải quyết đối với D.

- Đối với T đã khắc phục 85.000.000 đồng. Trước phiên tòa, bị cáo T và người

đại diện hợp pháp của Bưu điện trung tâm 5 đã thỏa thuận được với nhau về việc T tiếp tục phải bồi thường thiệt hại số tiền 27.935.818 đồng còn thiếu, nên HĐXX ghi nhận T phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Bưu điện Trung tâm 5 số tiền là 27.935.818 đồng là có căn cứ.

[5]. Vật chứng : Không.

[6]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Về án phí dân sự do bị cáo T và Bưu điện trung tâm 5 đã thỏa thuận bồi thường trước phiên tòa nên bị cáo T không phải chịu án phí dân sự là phù hợp với điểm f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị D và Nguyễn Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" .

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 của Bộ luật hình sự; các Điều 106, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586, 590, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: bị cáo Đặng Thị D 27 (Hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo D về UBND xã P, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T về UBND xã Đ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với bị cáo D: Ghi nhận D đã bồi thường xong 108.487.000 đồng cho Bưu điện trung tâm 5, Bưu điện trung tâm 5 không yêu cầu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

+ Đối với bị cáo T: Ghi nhận T đã bồi thường xong 85.000.000 đồng cho Bưu điện Trung tâm 5. Nay ghi nhận T phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Bưu điện Trung tâm 5 số tiền 27.935.818 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật,

trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Về án phí: Bị cáo D và T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo Nguyễn Văn T và Đặng Thị D; Bưu điện Trung tâm 5 - Bưu điện thành phố Hà Nội có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Công an huyện Gia Lâm;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- THADS huyện Gia Lâm;
- L- u hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thiên Hương